

Số: **34**/TB-QLTTHNA

Hà Nam, ngày **16** tháng **01** năm 2025

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ DẦU GIÀ TÀI SẢN

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá:

1.1 Tài sản là: 01 chiếc máy hút nhiệt đóng màng túi bóng DT-5030LW và máy đóng màng túi bóng DT-5545DA đang sử dụng theo Quyết định XPVPHC số 64000001/QĐ-XPVPHC ngày 09/01/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Hà Nam có giá khởi điểm như sau:

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	máy hút nhiệt đóng màng túi bóng DT-5030LW và máy đóng màng túi bóng DT-5545DA	Chiếc	01	64.500.000	64.500.000
	Tổng				64.500.000

Tổng trị giá tài sản được xác định giá khởi điểm bán đấu giá là: **64.500.000** đồng

(Sáu mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng./).

1.2 Tài sản là: Két sắt, Khuôn làm bánh, Bẫy chuột, Kêng phụ bếp gas, Bộ vòi xịt, Dây Xit, Bộ dụng cụ lấy rầy tai, Bộ chốt cửa, Búa cầm tay, Móc treo quần, Chổi phủ bụi, Dây kỳ lưng, Phụ kiện điện thoại các loại, quần áo các loại, đồ gia dụng các loại; Bộ âm chén, cặp lồng, chiếu... theo các Quyết định XPVPHC số: 64000012/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2024 của Cục trưởng Cục QLTT tỉnh Hà Nam; số 64010079/QĐ-XPVPHC ngày 16/12/2024; 64010081/QĐ-XPVPHC ngày 17/12/2024; 64010083/QĐ-XPVPHC ngày 17/12/2024; 64010082/QĐ-XPVPHC ngày 18/12/2024; 64010085/QĐ-XPVPHC ngày 19/12/2024; 64010089/QĐ-XPVPHC ngày 20/12/2024; 64010087/QĐ-XPVPHC ngày 20/12/2024; 64010091/QĐ-XPVPHC ngày 22/12/2024; 64010090/QĐ-XPVPHC ngày 22/12/2024; 64010096/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2024; 64010097/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2024; 64010084/QĐ-XPVPHC ngày 18/12/2024; 64010094/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2024; 64010095/QĐ-XPVPHC ngày 23/12/2024; 64010103/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2024 của Đội trưởng Đội QLTT số 1, Cục QLTT tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
-----	-------------	-----	----------	----------------	-------------------

1	Kết sắt, màu đen loại nhỏ	Chiếc	200	260.000	52.000.000
2	Khuôn làm bánh, Chất liệu nhựa màu trắng trong	Chiếc	300	10.000	3.000.000
3	Áo váy Caro màu đỏ trắng	chiếc	70	15.000	1.050.000
4	Bẫy chuột chất liệu nhựa màu đen	Chiếc	30	10.000	300.000
5	Kiêng phụ bếp gas chất liệu sắt	Bộ	80	50.000	4.000.000
6	Bộ vòi xịt nhà vệ sinh chất liệu inox	Chiếc	40	50.000	2.000.000
7	Dây Xịt Chất liệu Inox	Bộ	20	20.000	400.000
8	Bộ dụng cụ lấy ráy tai bằng sắt	Bộ	50	22.000	1.100.000
9	Bộ chốt cửa chất liệu gang	Chiếc	25	22.000	550.000
10	Búa cầm tay bằng sắt màu vàng	Chiếc	200	5.000	1.000.000
11	Móc treo quần loại đơn chiếc bằng sắt	chiếc	11	52.000	572.000
12	Chổi phủi bụi Cán bằng sắt đầu bằng sợi vải	Chiếc	40	10.000	400.000
13	Kiêng phụ bếp gas chất liệu sắt	Chiếc	66	15.000	990.000
14	Bẫy chuột chất liệu nhựa màu đen	Chiếc	50	23.000	1.150.000
15	Dây kỳ lưng chất liệu silicon	Chiếc	11	25.000	275.000
16	Óp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho điện thoại iphone X	Chiếc	10	25.000	250.000
17	Óp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho điện thoại iphone 11 PRO MAX	Chiếc	10	25.000	250.000
18	Óp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho điện thoại iphone 12 MINI	Chiếc	9	25.000	225.000
19	Óp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho điện thoại iphone 12	Chiếc	10	25.000	250.000
20	Óp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho điện thoại iphone 13 MINI	Chiếc	9	25.000	225.000
21	Óp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho điện thoại iphone 13 PROMAX	Chiếc	11	25.000	275.000
22	Óp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho điện thoại SAMSUNG A03	Chiếc	10	25.000	250.000

23	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho điện thoại SAMSUNG J4	Chiếc	7	25.000	175.000
24	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho điện thoại SAMSUNG J8	Chiếc	3	400.000	1.200.000
25	Chân máy quay chất liệu nhựa	chiếc	5	245.000	1.225.000
26	Giá đỡ điện thoại bằng kim loại màu đen, có 3 chân có thể kéo dài	chiếc	7	130.000	910.000
27	Giá đỡ điện thoại bằng kim loại màu đen để bàn, dùng cho cả điện thoại và ipad	chiếc	20	30.000	600.000
28	Dây cáp sạc điện thoại loại đầu USB - micro	chiếc	10	30.000	300.000
29	Dây cáp sạc điện thoại loại đầu USB - taiisi	chiếc	7	150.000	1.050.000
30	Giá đỡ điện thoại bằng kim loại màu xám	chiếc	3	55.000	165.000
31	Giá đỡ điện thoại bằng nhựa màu xanh, hình con gấu	chiếc	6	70.000	420.000
32	Giá đỡ nhựa dùng để treo camera	chiếc	25	55.000	1.375.000
33	Dây cáp sạc điện thoại di động đầu USB chân nhỏ	Chiếc	31	100.000	3.100.000
34	Chiếu trải giường chất liệu nhựa	chiếc	9	100.000	900.000
35	Cặp lòng chất liệu nhựa	bộ	4	200.000	800.000
36	Bộ ấm chén chất liệu gốm	bộ	3	500.000	1.500.000
37	Bộ ấm chén chất liệu gang	chiếc	6.000	180	1.080.000
38	Cốc nhựa chất liệu nhựa màu trắng trong	Chiếc	25	50.000	1.250.000
39	Cốc uống nước giữ nhiệt 2 lớp bằng inox	Chiếc	20	8.000	160.000
40	Thìa chất liệu inox cán thẳng	chiếc	5	25.000	125.000
41	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho Iphone XS MAX	chiếc	5	25.000	125.000
42	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho Iphone 14 Pro	chiếc	5	25.000	125.000
43	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho Iphone 12 Pro MAX	chiếc	5	25.000	125.000
44	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho Iphone 13 Pro	chiếc	5	25.000	125.000

45	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho Iphone 16 Pro MAX	chiếc	5	25.000	125.000
46	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho Iphone 14 Pro MAX	chiếc	5	25.000	125.000
47	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho Iphone 15 Pro	chiếc	5	25.000	125.000
48	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho Iphone 6S	chiếc	5	25.000	125.000
49	Ốp lưng bảo vệ điện thoại chất liệu nhựa dành cho Iphone 7 Plus	chiếc	4	120.000	480.000
50	Giá đỡ điện thoại bằng kim loại màu đen	chiếc	10	40.000	400.000
51	Dây cáp sạc điện thoại di động đầu USB - Lightning	chiếc	16	30.000	480.000
52	Dây cáp sạc đài đầu USB - MicroUSB	chiếc	7	50.000	350.000
53	Dây cáp sạc điện thoại đầu USB - Taisi	chiếc	39	95.000	3.705.000
54	Áo khoác gió nam màu đen	Chiếc	24	90.000	2.160.000
55	Áo khoác nam màu đen	Bộ	24	110.000	2.640.000
56	Áo phông nam màu vàng cổ tròn cộc tay	Chiếc	34	100.000	3.400.000
57	Quần dài nữ kẻ caro màu trắng đen	bộ	49	120.000	5.880.000
58	Bộ quần áo len tằm nữ màu ghi	Chiếc	29	200.000	5.800.000
	Tổng				113.142.000

Tổng trị giá tài sản được xác định giá khởi điểm bán đấu giá là: **113.142.000** đồng
(Một trăm mười ba triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng./.).

1.3. Tài sản là gói massage, ghế massage cột sống theo Quyết định XPVPHC số 64010168/QĐ-XPHC ngày 24/12/2024 của Đội trưởng Đội QLTT số 2, Cục QLTT tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	gói massage	Chiếc	88	60.000	5.280.000
2	ghế massage cột sống	Chiếc	15	350.000	5.250.000

Tổng				10.530.000
-------------	--	--	--	-------------------

Tổng trị giá tài sản được xác định giá khởi điểm bán đấu giá là: **10.530.000** đồng
(Mười triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng./.).

1.4. Tài sản là Tủ lạnh Nhân hiệu Hitachi các loại; Tủ lạnh Nhân hiệu Mitsubishi theo Quyết định XPVPHC số 64000013/QĐ-XPHC ngày 24/12/2024 của Cục trưởng Cục QLTT tỉnh Hà Nam, cụ thể:

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tủ lạnh Nhân hiệu: Hitachi; model: R-Y6000; năm sản xuất: 2008	Chiếc	1	10.800.000	10.800.000
2	Tủ lạnh Nhân hiệu: Hitachi; model: R-B5700; năm sản xuất: 2012	Chiếc	1	12.000.000	12.000.000
3	Tủ lạnh, Nhân hiệu: Mitsubishi; model: MR-E47S-DW1; năm sản xuất: 2011	Chiếc	1	11.500.000	11.500.000
	Tổng				34.300.000

Tổng trị giá tài sản được xác định giá khởi điểm bán đấu giá là: **34.300.000** đồng (Ba mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng./.).

1.5. Tài sản là Cát có Mô đun độ lớn 1,21 có thể được sử dụng chế tạo vữa mác nhỏ hơn và bằng M5 theo Quyết định XPVPHC số 64020172/QĐ-XPHC ngày 27/12/2024 của Đội trưởng Đội QLTT số 2, Cục QLTT tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Cát có Mô đun độ lớn 1,21 có thể được sử dụng chế tạo vữa mác nhỏ hơn và bằng M5	M3	717,2	65.000	46.618.000
	Tổng				46.618.000

Tổng trị giá tài sản được xác định giá khởi điểm bán đấu giá là: **46.618.000** đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng./.).

1.6. Tài sản là Cát có Mô đun độ lớn 1,24 có thể được sử dụng chế tạo vừa mức nhỏ hơn và bằng M5 theo Quyết định XPVPHC số 64030068/QĐ-XPHC ngày 30/12/2024 của Đội trưởng Đội QLTT số 3, Cục QLTT tỉnh Hà Nam, cụ thể như sau:

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Cát có Mô đun độ lớn 1,24 có thể được sử dụng chế tạo vừa mức nhỏ hơn và bằng M5	M3	242,8	130.000	31.564.000
	Tổng				31.564.000

Tổng trị giá tài sản được xác định giá khởi điểm bán đấu giá là: **31.564.000** đồng (Ba mươi một triệu năm trăm sáu mươi tư nghìn đồng./.).

- Giá khởi điểm: 300.654.000 đồng
- Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Hà Nam, Địa chỉ: Đường Lê Chân, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, tổng số điểm 98 điểm
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có
- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Hà Nam
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0	18,0
I.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0

1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên	2,0	2,0
3.	Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp		
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liên hệ đã đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0	0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0	56,0

1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,0	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0	
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	7,0	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	7,0	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = (U x 3)/Y		

4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)	7,0	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	4,0	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)	4,0	3,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	5,0	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0	
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0	5,0

9.	<i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i>	5,0	5,0
9.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	3,0	
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0	
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đầu giá do người có tài sản đầu giá quyết định	8,0	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	3,0	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đầu giá tài sản với người có tài sản đầu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0	3,0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đầu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đầu giá (trường hợp có nhiều tài sản đầu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đầu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0	2,0
4.	Tiêu chí khác	3,0	0
Tổng số điểm		100	98

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Cục (để b/c);
- Trang thông tin điện tử của Cục;
- Công thông tin điện tử quốc gia về DGTS;
- Lưu: VT, HSVV.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Anh Năng